

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 329/2019/HC-PT

Ngày: 19-4-2019

V/v khiếu kiện hành chính trong quản lý
đất đai về thu tiền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Kim Thoa

Các Thẩm phán: 1. Bà Đỗ Thanh Hương

2. Ông Trần Nam Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Nam – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:*** Bà Thân Trọng Minh Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 55/2019/TLPT-HC ngày 24 tháng 12 năm 2019 về “Khiếu kiện hành chính trong quản lý đất đai về thu tiền sử dụng đất”

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2018/HC-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 7 bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1029/2019/QĐ-PT ngày 06 tháng 3 năm 2019 và Quyết hoãn phiên tòa hành chính phúc thẩm số 2082/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1973

Địa chỉ: Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện: Chi cục Thuế Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ trụ sở: Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Chi cục Thuế Quận B: Bà Phan Thái N, sinh năm 1965 – Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận B

(Được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 2393/CCT-HC ngày 30/7/2018 của Chi cục Thuế Quận B)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Chi cục Thuế Quận B: Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1987 – Nhân viên Chi cục Thuế Quận B.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận B

Địa chỉ trụ sở: Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận B: Bà Phan Thái N, sinh năm 1965 – Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận B

(Được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 2393/CCT-HC ngày 30/7/2018 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận B)

3.2. Bà Bùi Thy Uyên P, sinh năm 1975

Địa chỉ: Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Công ty TNHH phát triển P

Địa chỉ trụ sở: Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH phát triển P:

- Ông Phạm Việt T

- Ông Trần Nam D

(Được ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 1400/PMH-PV.2018 ngày 11/10/2018 của Tổng giám đốc Công ty TNHH phát triển P).

4. *Người kháng cáo:* Chi cục Thuế Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh – Người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/5/2015, người khởi kiện là ông Nguyễn Quốc H trình bày:

Ngày 15/01/2008, ông ký hợp đồng mua của Công ty Liên doanh P (nay là Công ty TNHH phát triển P, sau đây gọi tắt là Công ty P) căn nhà số B1-88, Lô S14&S20 – phường T, Quận B. Ngày 30/5/2008, ông nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở đối với nhà đất nêu trên.

Ngày 09/01/2012, ông có ký nhận Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8520-11/TB-CCT với số tiền sử dụng đất là 474.750.000 đồng nhưng trên thông báo này ghi ngày 03/12/2012.

Đến tháng 12/2012 ông có liên hệ Chi cục Thuế Quận B để nộp tiền sử dụng đất theo thông báo thì nhân viên Chi cục Thuế trả lời bằng miệng là hồ sơ ngưng để chờ thông báo sau.

Sau đó ngày 24/12/2014, ông nhận được Thông báo cùng số 8520-11/TB-CCT-TBA đề ngày 30/8/2013 thông báo số tiền sử dụng đất mà ông phải nộp là 940.005.000 đồng.

Không đồng ý với thông báo nêu trên, ông đã làm đơn khiếu nại và tại Công văn số 131/CCT-KTNB ngày 29/01/2015, Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận B không chấp nhận khiếu nại (kiến nghị) của ông.

Nhận thấy việc Chi cục Thuế Quận B ra thông báo lần đầu cho ông sai ngày đã dẫn đến việc tăng thuế gây thiệt hại rất lớn về kinh tế cũng như tinh thần đối với ông nên ngày 15/5/2015, ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Quận B hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8520-11/TB-CCT-TBA ngày

30/8/2013 của Chi cục Thuế Quận B.

Người bị kiện là Chi cục Thuế Quận B có bà Phan Thái N – Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận B là người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 24/10/2011 Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân Thành phố) ban hành Quyết định giao đất số 5091/QĐ-UBND về việc thu hồi và giao đất cho người mua nhà ở, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở của Công ty trách nhiệm hữu hạn liên doanh P tại khu A – Khu đô thị mới Nam thành phố. Tại Điều 1 có quyết định như sau:

“Chấp nhận thu hồi đất của Công ty TNHH một thành viên Phát triển Công nghiệp Tân Thuận trong tổng số 600ha đất thuê để góp vốn trong Công ty trách nhiệm hữu hạn liên doanh P, đồng thời giao quyền sử dụng đất ở ổn định lâu dài cho 68 hộ gia đình, cá nhân mua nhà ở, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở của Công ty trách nhiệm hữu hạn liên doanh P (theo danh sách đính kèm).

Căn cứ khoản 2, Điều 2 của Quyết định giao đất số 5091/QĐ-UBND: Cục thuế Thành phố thu tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ, truy thu thuế chuyển quyền sử dụng đất và các khoản khác (nếu có) của người được giao đất theo quy định”.

Theo danh sách ban hành kèm theo Quyết định số 5091/QĐ-UBND (thứ tự số 68), Ủy ban nhân dân Thành phố đã giao diện tích đất ở 189.30 m² tại thửa 31-8, tờ bản đồ số 65, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (tài liệu năm 2003) – nhà số 14 đường N (B1-88) S14&S20 cho ông Nguyễn Quốc H và bà Bùi Thy Uyên P.

Căn cứ Công văn số 2187/TTg-KTN ngày 02/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thu tiền sử dụng đất đối với Khu đô thị mới P có nêu: *“...việc nộp tiền sử dụng đất của các trường hợp nêu trên phải hoàn thành trước ngày 30/6/2011”.*

Căn cứ Công văn số 2709/UBND-ĐTMT ngày 09/6/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố có ý kiến chỉ đạo: *“Việc nộp tiền sử dụng đất phải hoàn thành trước ngày 30/6/2011. Trường hợp ngày 30/6/2011 trở về sau mà chưa nộp tiền sử dụng đất thì số tiền phải nộp được tính theo giá đất (giá mới) tại thời điểm xin nộp tiền sử dụng đất”.*

Căn cứ Công văn số 2811/UBND-ĐTMT ngày 14/6/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố kiến nghị Thủ tướng Chính phủ cho gia hạn thời gian hoàn thành việc nộp tiền sử dụng đất đến hết ngày 09/12/2011.

Căn cứ Công văn số 3912/UBND-ĐTMT ngày 08/8/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố sửa đổi mục 5, phần I Công văn số 2709/UBND-ĐTMT ngày 09/6/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố có nêu: *“Việc hoàn thành trước ngày 10/12/2011. Trường hợp từ ngày 10/12/2011 trở về sau mà chưa nộp tiền sử dụng đất thì số tiền phải nộp được tính theo giá đất (giá mới) tại thời điểm xin nộp tiền sử dụng đất...”*

Căn cứ Công văn số 9191/VPCP-KTN ngày 27/12/2011 của Văn phòng Chính phủ về việc Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải đồng ý đề nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc gia hạn hoàn thành nộp tiền sử dụng đất đối với trường hợp đã ký hợp đồng mua bán nhà ở tại Khu A Khu đô thị mới P.

Căn cứ Công văn số 82/UBND-ĐTMT ngày 09/01/2012 Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thời gian hoàn thành việc nộp tiền sử dụng đất đối với các trường hợp đã ký hợp đồng mua bán nhà ở tại Khu A Khu đô thị mới P được gia hạn nộp tiền sử dụng đất lần chót đến hết ngày 09/3/2012 đã được Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải đồng ý.

Căn cứ Công văn số 494/CT-QLĐ ngày 16/01/2012 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh có nêu: “*Ban quản lý Khu Nam, Công ty TNHH liên doanh P, ... chuyển đến Chi cục Thuế Quận B trước ngày 09/02/2012 để Chi cục Thuế kịp thời tính ra thông báo thu theo quy định*”.

Căn cứ Công văn số 149/CCT-Tba ngày 16/01/2012 của Chi cục Thuế Quận B gửi Ban quản lý Khu Nam, Công ty TNHH liên doanh P phải hoàn tất hồ sơ chuyên đến Chi cục Thuế Quận B trước ngày 09/02/2012 để Chi cục Thuế kịp thời tính ra thông báo thu theo quy định.

Căn cứ Công văn số 885/CCT-TB&TK ngày 10/4/2012 của Chi cục Thuế Quận B gửi Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh xin hướng dẫn về việc áp dụng bảng giá đất trong Khu đô thị mới P để tính tiền sử dụng đất đối với hồ sơ sau ngày 09/3/2012 chưa nộp tiền sử dụng đất.

Căn cứ Công văn số 2793/CT-QLĐ ngày 25/4/2012 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh xin ý kiến UBND thành phố xem xét và cho ý kiến chỉ đạo về việc áp dụng giá tính tiền sử dụng đất tại khu đô thị mới P.

Căn cứ Công văn số 1681/UBND-ĐTMT ngày 12/4/2013 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo Ban quản lý Khu Nam, Sở Tài chính, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh, UBND Quận B, Công ty TNHH liên doanh P triển khai việc thu tiền sử dụng đất tại Khu đô thị mới P theo đúng nội dung chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 482/TTg-KTN ngày 02/4/2013.

Căn cứ Công văn số 3552/CT-QLĐ ngày 19/6/2013 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc đã tổ chức cuộc họp với các đơn vị tham dự.

Khi phát hành thông báo gửi đến Công ty P, Chi cục Thuế Quận B điều lập danh sách xác định nghĩa vụ tài chính gửi đến Công ty P. Trường hợp của ông H có tên trong danh sách số 55/CCT-Tba ngày 06/01/2012 (đợt 29) số thứ tự 54 Chi cục Thuế Quận B đã gửi đến Công ty P. Ông H cũng đã ký nhận Thông báo lần 1 vào ngày 09/01/2012 (Theo Công văn số 146/PMH-CV.15 ngày 09/01/2015 của Công ty P).

Thêm nữa, do điều kiện đặc thù trong việc mua bán và thu tiền sử dụng đất trong khu vực P nên Chi cục Thuế Quận B thực hiện theo các văn bản chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ, Ủy ban nhân dân Thành phố và Cục Thuế Thành phố.

Việc ông H cho rằng từ ngày 30/5/2008 ông đã nộp đủ hồ sơ hợp lệ, nhưng ông không hề nhận được bất kỳ thông báo nào nộp tiền sử dụng đất đề ngày 03/01/2012 và tại Công văn số 131/CCT-KTNB ngày 29/01/2015 Chi cục Thuế Quận B chỉ dựa vào công văn số 3552/CT-QLĐ ngày 19/6/2013 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh mà không đưa ra bất kỳ văn bản quy phạm pháp luật nào có quy định: “đối với hộ gia đình, cá nhân Chi cục Thuế Quận B đã thông báo thu nhưng sau ngày 09/3/2012 chưa thực hiện nộp tiền thì Chi cục Thuế Quận B căn cứ bảng giá đất năm 2013 do UBND thành phố ban hành để tính ra thông báo thu theo quy định” là không có căn cứ pháp luật.

Do đó, Chi cục Thuế Quận B vẫn giữ nguyên quan điểm là trường hợp mua bán nhà ở đất ở và thu tiền sử dụng đất trong khu vực P được thực hiện theo cơ chế đặc thù nên Chi cục Thuế Quận B thực hiện theo các văn bản chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ, Ủy ban nhân dân Thành phố và Cục Thuế Thành phố. Do đó, không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của ông H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận B có bà Phan Thái N – Phó Chi cục phó Chi cục Thuế Quận B là người đại diện hợp pháp trình bày: Thống nhất với ý kiến của Chi cục Thuế Quận B.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Công ty P có người đại diện hợp pháp là Lê Hạnh K trình bày:

Ngày 15/01/2008, ông Nguyễn Quốc H ký Hợp đồng số H343818-2008/PMH/CN với Công ty P để mua căn nhà số B1-88 Lô S14&S20, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi ông H nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất ở đối với căn nhà nói trên, Công ty P đã tiến hành các thủ tục theo quy định. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định số 5091/QĐ-UBND ngày 24/10/2011 về việc giao đất ở đối với căn nhà nói trên cho ông Nguyễn Quốc H và bà Bùi Thy Uyên P.

Sau khi có Quyết định số 5091/QĐ-UBND, ngày 21/11/2011, ông H đã ký tờ khai nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ nhà đất.

Ngày 06/01/2012, Chi cục Thuế Quận B có Thông báo số 55/CCT-Tba (thông báo lần 1) về việc nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ nhà đất. Ông H đã ký nhận ngày 09/01/2012.

Ngày 06/9/2013, Chi cục Thuế Quận B có Thông báo số 1526/CCT-Tba (thông báo lần 2) về việc nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ nhà đất. Ông H đã nhận thông báo này vào ngày 24/12/2014.

Đối với vụ kiện này, Công ty P chỉ giữ vai trò là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Công ty đã báo cáo những vấn đề liên quan đến vụ án trong phạm vi được biết. Ngoài ra, Công ty không có yêu cầu gì đối với vụ án này. Về việc tính toán tiền sử dụng đất thuộc trách nhiệm của cơ quan thuế, Công ty P không thể can thiệp. Công ty cũng không có tài liệu, chứng cứ mới để cung cấp, những tài liệu Công ty nộp tại Tòa án nhân dân Quận B trong phiên đối thoại, trước đây công ty đã nộp rồi.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thy Uyên P trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Quốc H, bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H về việc yêu cầu Tòa án hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8520-11/TB-CCT-TBA ngày 30/8/2013 của Chi cục Thuế Quận B và yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 131/CCT-KTNB ngày 19/01/2015 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận B. Bà không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2016/HC-ST ngày 17 tháng 8 năm

2016, Tòa án nhân dân Quận 7 đã quyết định như sau:

“...1. Bác yêu cầu hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8520-11/TB-CCT-TBA ngày 30/8/2013 và Công văn số 131/CCT-KTNB ngày 19/01/2015 của Chi cục Thuế Quận B thành phố Hồ Chí Minh ông Nguyễn Quốc H.

...”.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 497/2017/HC-PT ngày 31 tháng 5 năm 2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:

“Bác yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Quốc H, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 11/2016/HC-ST ngày 17/8/2016 của Tòa án nhân dân Quận 7

...”.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 04/2018/HC-GĐT ngày 06 tháng 3 năm 2018, Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:

“1. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy toàn bộ Bản án hành chính phúc thẩm số 497/2017/HC-PT ngày 31/5/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2016/HC-ST ngày 17/8/2016 của Tòa án nhân dân Quận 7 để xét xử sơ thẩm lại”.

Sau khi Tòa án nhân dân Quận B thụ lý và giải quyết lại vụ án, ông H không thay đổi, bổ sung hay rút yêu cầu khởi kiện. Ông H xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể là yêu cầu hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8520-11/TB-CCT-TBA ngày 30/8/2013 đối với căn nhà số B1-88 lô S14&S20, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và Công văn số 131/CCT-KTNB ngày 29/01/2015 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận B về việc giải quyết kiến nghị của ông đối với Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8520-11/TB-CCT-TBA ngày 30/8/2013. Chi cục Thuế Quận B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2018/HCST ngày 12 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân Quận 7 đã quyết định như sau:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc H, tuyên hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8520-11/TB-CCT-TBA ngày 30/8/2013 và Công văn số 131/CCT-KTNB ngày 19/01/2015 của Chi cục Thuế Quận B Thành phố Hồ Chí Minh.

Kiến nghị Chi cục Thuế Quận B áp dụng giá đất năm 2008 để làm căn cứ tính tiền sử dụng đất đối với hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở tại căn nhà số B1-88, Lô S14&S20 – phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Nguyễn Quốc H.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng, Chi cục Thuế Quận B phải chịu. Hoàn trả cho ông Nguyễn Quốc H số tiền án phí

hành chính sơ thẩm đã nộp là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng (theo biên lai tạm ứng án phí số AC/2012/05579 ngày 23/6/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B) và án phí hành chính phúc thẩm đã nộp là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng (theo biên lai tạm ứng án phí số AD/2014/0009812 ngày 25/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018 (Tòa án nhân dân Quận 7 nhận đơn ngày 20/11/2018), Chi cục Thuế Quận B kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc H và giữ nguyên Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8520-11/TB-CCT-TBA ngày 30/8/2013 và Công văn số 131/CCT-KTNB ngày 19/01/2015 của Chi cục Thuế Quận B.

Tại Quyết định sửa chữa, bổ sung số 08/2019/QĐ-SCBSBA ngày 04/4/2019, Tòa án nhân dân Quận 7 đã sửa chữa, bổ sung Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2018/HCST ngày 12 tháng 11 năm 2018 như sau:

1. Tại phần Nhận định của Tòa án trong bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi: "...Công văn số 131/CCT-KTNB ngày 19/01/2015 của Chi cục Thuế Quận B..."

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: "...Công văn số 131/CCT-KTNB ngày 19/01/2015 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận B..."

2. Tại dòng thứ 04, trang 11, trong phần Quyết định của bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi: "...Công văn số 131/CCT-KTNB ngày 19/01/2015 của Chi cục Thuế Quận B Thành phố Hồ Chí Minh".

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: "...Công văn số 131/CCT-KTNB ngày 19/01/2015 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận B Thành phố Hồ Chí Minh".

Tại phiên tòa phúc thẩm (ngày 09/4/2019),

- Người bị kiện là Chi cục thuế Quận B vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc H vì Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8520-11/TB-CCT-TBA ngày 30/8/2013 của Chi cục Thuế Quận B ban hành là đúng quy định của pháp luật.

- Người khởi kiện là ông Nguyễn Quốc H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không đồng ý với kháng cáo của Chi cục thuế Quận B, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thy Uyên P thống nhất với trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

+ Về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm: Từ khi

thụ lý cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục, thụ lý, thẩm quyền, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Các đương sự trong vụ án cũng đã chấp hành đúng quyền lợi và nghĩa vụ của mình.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hình thức: Đơn kháng cáo Chi cục thuế Quận B là hợp lệ và còn trong thời hạn kháng cáo.

Về nội dung: ông Nguyễn Quốc H mua căn nhà số B1-88 lô S14 & S20 phường T, Quận B của Công ty TNHH phát triển P vào năm 2008 và nhận nhà vào tháng 11/2008. Năm 2011, ông H được Ủy ban thành phố giao đất ở đối với căn nhà nêu trên. Như vậy, ông H thực tế nhận nhà vào năm 2008, các văn bản của cơ quan thuế và Ủy ban thành phố không phải là văn bản quy phạm pháp luật. Do đó, Chi cục thuế Quận B căn cứ vào các văn bản trên để ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8520-11/TB-CCT-TBA ngày 30/8/2013 là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H và hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8520-11/TB-CCT-TBA ngày 30/8/2013 là có cơ sở. Do đó, yêu cầu kháng cáo của Chi cục thuế Quận B là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác đơn kháng cáo của Chi cục thuế Quận B và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phan Thái N - Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận B là người đại diện hợp pháp của Chi cục Thuế Quận B và Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Phạm Việt T và ông Trần Nam D là người đại diện hợp pháp của Công ty P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt Chi cục Thuế Quận B, Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận B và Công ty P.

[2] Về thời hiệu, thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính: Ngày 24/12/2014, ông Nguyễn Quốc H nhận được Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8520-11/TB-CCT-TBA ngày 30/8/2013 của Chi cục Thuế Quận B về việc yêu cầu ông phải nộp tiền sử dụng đất đối đất ở tại nhà số B1-88 lô S14 & S20, phường T, Quận B mà ông đã mua của Công ty P. Ngày 15/5/2015, ông H có đơn khởi kiện đối với Thông báo nêu trên. Căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Điều 2 Nghị quyết số 104/2015/QH13 của Quốc hội về thi hành Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Tòa án nhân dân Quận B xác định thông báo nêu trên là quyết định hành chính bị kiện, đơn khởi kiện của ông H còn thời hiệu và tiến hành thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về kháng cáo của Chi cục Thuế Quận B yêu cầu hủy bác toàn bộ yêu

cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc H và giữ nguyên Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8520-11/TB-CCT-TBA ngày 30/8/2013 và Công văn số 131/CCT-KTNB ngày 19/01/2015 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận B, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[4] Căn cứ Quyết định số 5091/QĐ-UBND ngày 24/10/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì vào năm 2011 ông Nguyễn Quốc H được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao đất ở đối với căn nhà số B1-88 lô S14 & S20, phường T, Quận B với thời hạn sử dụng lâu dài.

[5] Tuy nhiên, căn cứ Hợp đồng số H343818-2008/PMH/CN ngày 15/01/2018 ký kết giữa ông Nguyễn Quốc H và Công ty P thì ông H đã mua của Công ty P căn nhà số B1-88 lô S14 & S20, phường T, Quận B để ở và ông H đã được Công ty P giao căn nhà nêu trên từ năm 2008.

[6] Căn cứ khoản 2 Điều 4 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004, khoản 1 Điều 2 Nghị định số 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 và khoản 1 Điều 4 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ thì giá đất làm căn cứ để tính tiền sử dụng đất là giá đất tại thời điểm bàn giao đất thực tế. Ngày 09/6/2011, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng có Công văn số 2709/UBND-ĐTMT về việc thu tiền sử dụng đất đối với trường hợp đã ký hợp đồng mua bán nhà ở tại Khu A, Khu đô thị P. Theo đó, số tiền sử dụng đất phải nộp được tính tại thời điểm Công ty TNHH Liên doanh P ký kết hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở đối với khách hàng.

[7] Ngày 03/01/2012, Chi cục Thuế Quận B ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8520-11/TB-CCT đối với ông H (Thông báo nộp tiền sử dụng đất lần 1), theo đó, số tiền sử dụng đất mà ông H phải nộp là 474.750.000 đồng, giá đất làm căn cứ tính tiền sử dụng đất là giá đất năm 2008. Như vậy, Thông báo nộp tiền sử dụng đất lần 1 của Chi cục Thuế Quận B là có căn cứ, đúng pháp luật.

[8] Nhưng đến ngày 30/8/2013, Chi cục Thuế Quận B lại ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8520-11/TB-CCT đối với ông H (Thông báo nộp tiền sử dụng đất lần 2) để thay cho Thông báo nộp tiền sử dụng đất lần 1 và theo thông báo này, số tiền sử dụng đất mà ông H phải nộp là 940.005.000 đồng, giá đất làm căn cứ tính tiền sử dụng đất là giá đất năm 2013.

[9] Theo Chi cục Thuế Quận B trình bày thì căn cứ để ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất lần 2 là các Công văn số 482/TTg-KTN ngày 02/4/2013 và Công văn số 2187/TTg-KTN ngày 02/12/2010 của Thủ tướng Chính Phủ, Công văn số 1681/UBND-ĐTMT ngày 12/4/2013 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh và Công văn số 3552/CT-QLĐ ngày 19/6/2013 của Chi cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng các công văn trên không phải là văn bản quy phạm pháp luật. Mặt khác, Công văn số 482/TTg-KTN ngày 02/4/2013 và

Công văn số 2187/TTg-KTN ngày 02/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ không có nội dung đề cập đến việc áp dụng giá đất mới để tính tiền sử dụng đất đối với trường hợp đã được giao đất trước đó.

[10] Việc Chi cục Thuế Quận B lấy giá đất năm 2013 làm căn cứ tính tiền sử dụng đất đối với ông H, buộc ông H phải nộp tiền sử dụng đất với số tiền 940.005.000 đồng là không đúng quy định pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H. Trong trường hợp ông H không nộp tiền sử dụng đất đúng thời hạn quy định thì Chi cục Thuế Quận B chỉ được phạt ông H trên số tiền chậm nộp theo quy định pháp luật về quản lý thuế.

[11] Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc H về việc yêu cầu hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8520-11/TB-CCT-TBA ngày 30/8/2013 và Công văn số 131/CCT-KTNB ngày 19/01/2015 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận B về việc không chấp nhận kiến nghị của ông Nguyễn Quốc H đối với Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8520-11/TB-CCT-TBA ngày 30/8/2013 của Chi cục Thuế Quận B; Chi cục Thuế Quận B phải chịu án phí sơ thẩm, ông H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là có cơ sở nên Hội đồng xét xử giữ nguyên.

[12] Tuy nhiên, theo công văn số 75/CCTHADS ngày 23/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B thì số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm theo biên lai tạm ứng án phí số AC/2012/05579 ngày 23/6/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B và số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo biên lai tạm ứng án phí số AD/2014/0009812 ngày 25/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B mà ông H đã nộp, Chi cục thi hành án dân sự Quận B đã thực hiện chuyển nộp án phí cho Ngân sách Nhà nước theo Bản án hành chính phúc thẩm số 497/2017/HC-PT ngày 31/5/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng sau đó bản án này đã bị hủy theo thủ tục giám đốc thẩm. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định hoàn trả cho ông H số tiền án phí hành chính sơ thẩm và số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm mà ông H đã nộp theo hai biên lai nêu trên là có căn cứ.

[13] Như vậy kháng cáo của Chi cục Thuế Quận B yêu cầu sửa bản án sơ thẩm đề bác đơn khởi kiện của ông H là không có cơ sở để chấp nhận.

[14] Do Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người bị kiện là Chi cục Thuế Quận B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 2 Nghị quyết số 104/2015/QH13 của Quốc hội về thi hành Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009;

Căn cứ khoản 2 Điều 4 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ khoản 1 Điều 2 Nghị định số 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai.

I. Bác kháng cáo của Chi cục Thuế Quận B và giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 05/2018/HCST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 7 như sau:

Căn cứ Điều 7, Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 31, Điều 60, Điều 115, Khoản 2 Điều 116, Điều 158, Điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 1, Điều 2 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008;

Căn cứ Điều 2, Điều 4 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc H:

- Hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8520-11/TB-CCT-TBA ngày 30/8/2013 và Công văn số 131/CCT-KTNB ngày 19/01/2015 của Chi cục trưởng Thuế Quận B Thành phố Hồ Chí Minh về việc không chấp nhận kiến nghị của ông Nguyễn Quốc H đối với Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8520-11/TB-CCT-TBA ngày 30/8/2013 của Chi cục Thuế Quận B.

- Kiến nghị Chi cục Thuế Quận B áp dụng giá đất năm 2008 để làm căn cứ tính tiền sử dụng đất đối với hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở tại căn nhà số B1-88, Lô S14&S20, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Nguyễn Quốc H.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng, Chi cục Thuế Quận B phải chịu. Hoàn trả cho ông Nguyễn Quốc H số tiền án phí hành chính sơ thẩm đã nộp là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng (theo biên lai tạm ứng án phí số AC/2012/05579 ngày 23/6/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B) và án phí hành chính phúc thẩm đã nộp là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng (theo biên lai tạm ứng án phí số AD/2014/0009812 ngày 25/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B).

II. Án phí hành chính phúc thẩm: Chi cục Thuế Quận B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà

Chi cục Thuế Quận B (do bà T đại diện) đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0026252 ngày 28/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B. Chi cục Thuế Quận B đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- TAND Quận 7;
- Chi cục THA dân sự Quận 7;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Kim Thoa